TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 02 - 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vương Hoàng Hào.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thế Công.

2. Ông Đinh Văn Vợi.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân khu vực 5 – Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Nghệ An tham gia phiên toà*:** Ông Hoàng Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 và quyết định hoãn phiên toà số: 24/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Huy Đ, sinh ngày 05/7/1985; căn cước công dân số: 040085024948; nơi cư trú: Xóm M, xã T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị D, sinh ngày 14/7/1986; căn cước công dân số: 040186017917; nơi thường trú: Xóm M, xã T, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Huy Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với anh Trần Thị D vào ngày 30 tháng 9 năm 2019, có đăng ký tại UBND xã X, huyện N nay là xã K, tỉnh Nghệ An, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm M, xã T, tỉnh Nghệ An, quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tình tính, quan điểm sống không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên năm 2023 chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã X cũ nay là xã K sinh sống, đầu năm 2024 chị D đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, vợ chồng không còn liên lạc,

hỏi han, quan tâm, chăm sóc nhau. Nay anh không còn tình cảm với chị D nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Trần Thị D không có con chung.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị D đã được Toà án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, chị D có trình bày ý kiến qua bố mẹ đẻ ông Trần Văn S và bà Trần Thị V.

Tại biên bản xác minh ông Trần Văn S và bà Trần Thị V trình bày:

Ông là bố mẹ đẻ của Trần Thị D, ông bà và con trai thường xuyên liên lạc với nhau bằng điện thoại di động qua ứng dụng mạng xã hội. Các văn bản tố tụng của Toà án, ông bà nhận thay cho con thì đã thông báo nội dung cho con được biết, do không biết được địa chỉ cụ thể của con tại Nhật Bản nên không có để cung cấp cho Toà án. Con gái ông bà có ý kiến về các nội dung như sau: Về hôn nhân: Trần Thị D đồng ý ly hôn Lê Huy Đ. Về con chung: Không có con chung. Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Nghệ An phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách tố tụng, điều tra thu thập chứng cứ, chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung*:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 19, 51, 56, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 147, 271, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề xuất:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Huy Đ. Cho anh Lê Huy Đ được ly hôn với chị Trần Thị D.

- Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn anh Lê Huy Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Trần Thị D có nơi thường trú tại xã T, tỉnh Nghệ An. Tranh chấp hôn nhân gia đình về "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Anh Lê Huy Đ vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn chị Trần Thị D được tống đạt hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là đúng quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Anh Lê Huy Đ và chị Trần Thị D kết hôn ngày 30 tháng 9 năm 2019, có đăng ký tại UBND xã X, huyện N nay là xã K, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận kết hôn số: 40/2019, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, phát sinh quyền nghĩa vụ của vợ chồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc mà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tính, quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng không tin tưởng. Mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng ly thân nhau từ năm 2023 cho đến nay, không còn liên lạc, quan tâm, chăm sóc nhau. Anh Đ yêu cầu ly hôn, chị D trình bày ý kiến qua bố mẹ đẻ là đồng ý ly hôn. Xét thấy: Việc anh Đ và chị D đã ly thân nhau, có mâu thuẫn, không còn tình cảm, yêu thương, chăm sóc nhau là vi phạm quyền nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân của hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên theo các Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu cho anh Lê Huy Đ được ly hôn với chị Trần Thị D.

2.2. Về con chung: Anh Lê Huy Đ và chị Trần Thị D không có con chung.

[3] Về tài sản chung và khoản nợ chung: Anh Lê Huy Đ và chị Trần Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có đơn yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Huy Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 19, 51, 56, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 147, 271, 469, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 4, Điều 11 của Nghị quyết: 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Huy Đ.

1. Về hôn nhân: Cho anh Lê Huy Đ được ly hôn với chị Trần Thị D.

2. Về con chung: Anh Lê Huy Đ và chị Trần Thị D không có con chung.

3. Về tài sản chung và khoản nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có đơn yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Lê Huy Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002936 ngày 19/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo đến Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt không có mặt tại Việt Nam, có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 – Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Kim Liên, tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ; VP.TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Hoàng Hào

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA